

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 9 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61A/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Mộng N; Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Bà N vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D; Sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S; Nơi tạm trú: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Ông D vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng N trình bày:*

Bà với ông Nguyễn Văn D tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng đến năm 2010, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh S

và được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 08 tháng 9 năm 2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột ông D ở ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau, ông bà không ai quan tâm đến ai do tình cảm không còn.

Trong quá trình chung sống, bà N với ông D có hai con chung là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 16/9/2009 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 13/8/2014 đang sống với bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Lê Thị Mộng N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Khánh D và Nguyễn Ngọc Tường V và không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn D không có lời trình bày do vắng mặt.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 168/TB-TLVA ngày 13 tháng 6 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn D nhưng ông Nguyễn Văn D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng N. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Nguyễn Văn D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn D đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mộng N ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D và Nguyễn Ngọc Tường V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi Nên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Mộng N và ông Nguyễn Văn D đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông D mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông D.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Mộng N và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 08 tháng 9 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hợp pháp. Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông D, yêu cầu được nuôi cháu Khánh D và Tường V, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm S cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Lê Thị Mộng N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Khánh D và Nguyễn Ngọc Tường V trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con. Xét yêu cầu được nuôi hai con của bà N, bà làm công việc buôn bán và thu nhập một tháng khoảng hơn 30.000.000 đồng. Từ khi bà N và ông D không còn chung sống với nhau thì hai con do bà N trực tiếp chăm S, nuôi dưỡng. Và hiện tại, bà N hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Khánh D và Nguyễn Ngọc Tường V cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu nên ông D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N yêu cầu nên bà N phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mộng N.
- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mộng N được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 16/9/2009 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 13/8/2014 cho bà Lê Thị Mộng N trực tiếp chăm S, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Văn D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm S, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Mộng N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn D. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Mộng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004024 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Lê Thị Mộng N đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND tt T, huyện T, tỉnh ST;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Ngọc Trân**